

Số: 08/2019/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 26 tháng 3 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành quy định quản lý chất thải rắn sinh hoạt
trên địa bàn tỉnh Sơn La

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2007/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về quản lý chất thải rắn;

Căn cứ Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 69/TTr-SXD ngày 21 tháng 3 năm 2019.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 10 tháng 4 năm 2019 và thay thế Quyết định số 09/2013/QĐ-UBND ngày 16 tháng 5 năm 2013 của UBND tỉnh Sơn La về việc ban hành Quy định quản lý chất thải rắn thông thường tại các đô thị và các cụm dân cư tập trung trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Bộ Xây dựng (b/c);
- Thường trực tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Vụ Pháp chế - Bộ Xây dựng;
- Cục kiểm tra VB QPPL - Bộ Tư pháp;
- Như Điều 3 (t/h);
- Trung tâm thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, KT(Quý-3b), 80b.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC



Tráng Thị Xuân

QUY ĐỊNH

Về quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Sơn La
(Ban hành kèm theo Quyết định số 08 /2019/QĐ-UBND
ngày 26 tháng 3 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về hoạt động quản lý chất thải rắn sinh hoạt, quyền hạn và trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân liên quan đến việc quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân (sau đây gọi tắt là tổ chức, cá nhân) có hoạt động liên quan đến chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Điều 3. Nguyên tắc chung về quản lý chất thải rắn sinh hoạt

1. Chất thải rắn sinh hoạt phải được quản lý chặt chẽ nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu những tác động có hại đối với môi trường và sức khỏe con người; mọi hoạt động quản lý chất thải rắn sinh hoạt phải tuân thủ Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Chất thải rắn sinh hoạt phải được phân loại, lưu giữ tại nguồn phát sinh; được thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Khuyến khích việc xã hội hóa công tác thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

4. Khuyến khích việc ứng dụng công nghệ hiện đại trong xử lý chất thải rắn sinh hoạt, đảm bảo vệ sinh môi trường và giảm khối lượng chất thải được chôn lấp nhằm tiết kiệm tài nguyên, chi phí xử lý.

5. Phương tiện vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt phải đảm bảo an toàn khi tham gia giao thông và bảo vệ môi trường.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Phân loại, lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

1. Chất thải rắn sinh hoạt phải được phân loại theo nhóm quy định tại Khoản 1, Điều 15, Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ để tái sử dụng, tái chế nhằm giảm khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phải xử lý.

2. Đối với các khu vực đã có hoạt động thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt, tổ chức, cá nhân có phát sinh chất thải rắn sinh hoạt phải bố trí thiết bị lưu giữ theo quy định tại Khoản 1, Điều 8 của Quy định này.

Điều 5. Thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt

1. Việc thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt từ nguồn phát sinh trên địa bàn tỉnh được thực hiện như sau: UBND các huyện, thành phố tổ chức phân định địa bàn tổ chức thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt và giao nhiệm vụ cho các cơ quan, đơn vị trực thuộc để tổ chức lựa chọn, ký kết hợp đồng với đơn vị, tổ chức có chức năng để thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn.

2. Vị trí bố trí các điểm tập kết, trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt do UBND cấp huyện quy định trên cơ sở phù hợp với quy hoạch quản lý chất thải rắn do UBND tỉnh phê duyệt.

Điều 6. Xử lý chất thải rắn sinh hoạt

1. Chất thải rắn trên địa bàn tỉnh được xử lý theo công nghệ tiên tiến, thân thiện với môi trường và đảm bảo quy định tại Điều 19 Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu.

2. Địa điểm lựa chọn đầu tư xây dựng các cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt phải phù hợp với quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt và đảm bảo khoảng cách an toàn về môi trường theo quy định của pháp luật.

3. Việc lựa chọn chủ đầu tư cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định tại Điều 20, Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu và các quy định pháp luật khác liên quan.

Điều 7. Yêu cầu về kỹ thuật đối với thiết bị lưu giữ, điểm tập kết, trạm trung chuyển, khu vực lưu giữ và phương tiện thu gom, vận chuyển; yêu cầu về tần suất thu gom, thời gian lưu giữ

1. Các yêu cầu về thiết bị lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- a) Đảm bảo không bị hư hỏng, biến dạng, rách vỡ trong quá trình sử dụng;
- b) Bao bì mềm được buộc kín và bao bì cứng có nắp đậy kín để đảm bảo không phát tán mùi, không thấm nước mưa, không được ngấm hoặc rò rỉ nước rác.

2. Điểm tập kết, trạm trung chuyển, khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

a) Điểm tập kết phải có cao độ nền bảo đảm không bị ngập lụt; có sàn và vách ngăn bảo đảm kín khít, không rạn nứt, rò rỉ nước thải, chất thải;

b) Khu vực lưu giữ hoặc trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng các quy định sau: Có cao độ nền bảo đảm không bị ngập lụt, sàn bảo đảm kín khít, không rạn nứt và có độ dốc phù hợp để thu gom toàn bộ nước rỉ rác về hố thu; có hố thu gom nước rỉ rác; tường, vách ngăn, mái che đảm bảo không để nước mưa chảy vào khu vực lưu giữ.

3. Phương tiện thu gom vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt:

a) Số lượng phương tiện vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt phải phù hợp với quãng đường, thời gian, tần suất thu gom, số lượng các điểm thu gom và khối lượng chất thải rắn sinh hoạt được thu gom;

b) Các phương tiện vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng yêu cầu về an toàn khi tham gia giao thông và bảo vệ môi trường;

c) Đối với việc thu gom từ hộ gia đình đến điểm tập kết, trạm trung chuyển yêu cầu đặc thù cho một số phương tiện vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt như sau: xe tải có thùng lắp cố định; xe tải thùng hở phải được phủ kín khi vận chuyển, không được rơi vãi chất thải rắn sinh hoạt, nước rỉ rác ra môi trường;

d) Đối với việc thu gom chất thải rắn sinh hoạt từ các điểm tập kết, trạm trung chuyển đến nhà máy, cơ sở xử lý phải được thực hiện bằng xe chuyên dụng.

4. Tần suất thu gom, thời gian lưu giữ

a) Tuần suất thu gom chất thải rắn sinh hoạt ít nhất 01 lần/ngày. Các địa phương yêu cầu đơn vị cung ứng dịch vụ thu gom, vận chuyển phải công bố lịch trình, thời gian hoạt động cố định và thông báo rộng rãi để các tổ chức, cá nhân biết, chấp hành;

b) Thời gian lưu trữ chất thải rắn sinh hoạt của các tổ chức, cá nhân và tại các khu vực tập kết, trạm trung chuyển không quá 2 ngày.

Chương III

TRÁCH NHIỆM TRONG QUẢN LÝ CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

Điều 8. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân phát sinh chất thải rắn sinh hoạt

1. Thực hiện việc phân loại, lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt theo quy định

tại Điều 5 của Quy định này. Thu gom, đổ chất thải rắn sinh hoạt đúng thời gian và nơi quy định, không vứt bừa bãi ra môi trường; có trách nhiệm giữ gìn vệ sinh nơi công cộng, tích cực tham gia các hoạt động vệ sinh môi trường khu phố, tổ dân phố, đường làng, ngõ xóm, nơi công cộng do chính quyền địa phương và các tổ chức đoàn thể phát động. Trường hợp phát hiện những vi phạm pháp luật về quản lý chất thải rắn sinh hoạt phải thông báo cơ quan có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm quy định, tuyên truyền, hướng dẫn cán bộ, người lao động trong cơ quan, tổ chức, đơn vị của mình biết và thực hiện đúng nội dung của Quy định này và các quy định của pháp luật có liên quan.

3. Các tổ chức, cá nhân có trách nhiệm ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt có phương tiện đáp ứng được yêu cầu được quy định hoặc đăng ký dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt (*ngoài địa bàn đã được UBND các huyện, thành phố lựa chọn, ký hợp đồng thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt*) và phải chi trả chi phí giá dịch vụ thu gom theo quy định.

Điều 9. Trách nhiệm và quyền của đơn vị thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt

1. Trách nhiệm đơn vị thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt được thực hiện theo quy định tại Điều 18, Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ.

2. Thực hiện việc báo cáo quản lý chất thải rắn sinh hoạt định kỳ hàng năm hoặc đột xuất theo yêu cầu đến Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND các huyện, thành phố.

3. Quyền của đơn vị thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt

a) Được thanh toán đúng và đủ giá dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải rắn theo hợp đồng đã ký kết;

b) Được đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét sửa đổi, bổ sung các quy chuẩn kỹ thuật địa phương, định mức kinh tế kỹ thuật có liên quan đến hoạt động thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt;

c) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Trách nhiệm và quyền của chủ xử lý chất thải rắn sinh hoạt

1. Trách nhiệm của chủ xử lý chất thải sinh hoạt

a) Xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định tại Khoản 1 Điều 22 Nghị

định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ.

b) Xây dựng phương án giá dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt gửi Sở Tài chính thẩm định và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 26 Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ (*đối với cơ sở xử lý chất thải rắn được đầu tư từ nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước*);

c) Chỉ tiếp nhận chất thải rắn sinh hoạt với các đơn vị thu gom, vận chuyển đáp ứng các yêu cầu theo Điều 8 của Quy định này;

d) Định kỳ hàng năm báo cáo Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND các huyện, thành phố về tình hình tiếp nhận xử lý chất thải rắn sinh hoạt từ các đơn vị thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt (*kỳ báo cáo tính từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 của năm báo cáo*). Thời hạn chậm nhất trước ngày 15 tháng 01 của năm tiếp theo; hoặc báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Quyền của chủ xử lý chất thải sinh hoạt

a) Chủ xử lý chất thải rắn sinh hoạt có quyền hạn theo quy định tại Khoản 2 Điều 22 Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ;

b) Ký hợp đồng xử lý chất thải rắn sinh hoạt với UBND các huyện, thành phố theo quy định tại Quyết định số 07/2018/QĐ-UBND ngày 30 tháng 3 năm 2018 của UBND tỉnh về quản lý dịch vụ công ích đô thị.

3. Khuyến khích chủ xử lý phân loại chất thải nguy hại lẫn trong chất thải rắn sinh hoạt khi xử lý. Việc quản lý chất thải nguy hại được thực hiện theo Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại.

Điều 11. Trách nhiệm của Sở Xây dựng

1. Giúp UBND tỉnh về quản lý nhà nước trong quy hoạch xây dựng các cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh; hướng dẫn quản lý đầu tư xây dựng cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy hoạch được duyệt.

2. Chủ trì xây dựng, lập phương án giá dịch vụ thu gom, vận chuyển trình UBND tỉnh phê duyệt làm cơ sở lựa chọn đơn vị cung ứng dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn; lập phương án giá xử lý dịch vụ xử lý chất thải rắn đối với cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt được đầu tư từ ngân sách nhà nước; phối hợp thẩm định phương án giá dịch vụ xử lý chất thải rắn đối với cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt được đầu tư từ các nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước.

3. Thẩm định dự toán thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn trong dự toán dịch vụ công ích đô thị hàng năm theo quy định tại Quyết định số 07/2018/QĐ-UBND ngày 30 tháng 3 năm 2018 của UBND tỉnh về quản lý dịch vụ công ích đô thị.

4. Kiểm tra, giám sát việc xây dựng các trạm trung chuyển, khu vực lưu giữ, cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo các quy định hiện hành.

Điều 12. Trách nhiệm của Sở Tài nguyên và Môi trường

1. Tổ chức thực hiện các nội dung về quản lý chất thải rắn sinh hoạt phục vụ công tác lập và triển khai quy hoạch bảo vệ môi trường theo quy định tại điều 98 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Tham mưu UBND tỉnh ban hành các quy định, chính sách, liên quan đến hoạt động quản lý chất thải rắn sinh hoạt; Chủ trì xây dựng cơ chế chính sách ưu đãi, hỗ trợ để khuyến khích việc thu gom, vận chuyển và đầu tư cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trình cấp có thẩm quyền ban hành.

3. Tổ chức truyền thông, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục nâng cao nhận thức người dân về quản lý chất thải rắn.

4. Tổ chức thanh tra, kiểm tra các hoạt động quản lý liên quan đến hoạt động quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

5. Tổ chức cập nhật vào cơ sở dữ liệu về chất thải rắn sinh hoạt; tăng cường sử dụng hệ thống thông tin hoặc thư điện tử để thông báo, hướng dẫn, trao đổi với tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

6. Định kỳ hàng năm báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường về tình hình quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh theo quy định.

Điều 13. Trách nhiệm của Sở Kế hoạch và Đầu tư

1. Hướng dẫn trình tự, thủ tục đầu tư cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh theo quy định.

2. Tổ chức các hoạt động xúc tiến đầu tư, vận động khai thác các nguồn lực để triển khai xây dựng cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh.

3. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng cơ chế chính sách ưu đãi, hỗ trợ để khuyến khích việc thu gom, vận chuyển và đầu tư cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trình cấp có thẩm quyền ban hành.

4. Tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt danh mục các dự án xử lý chất thải rắn sinh hoạt kêu gọi đầu tư hàng năm.

5. Hướng dẫn cụ thể đối với tổ chức, cá nhân được hỗ trợ ưu đãi khi tham gia đầu tư xây dựng các nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

Điều 14. Trách nhiệm của Sở Tài chính

1. Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thành phố tổ chức thẩm định giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt trình UBND tỉnh phê duyệt.

2. Tham mưu UBND tỉnh giao dự toán kinh phí hàng năm cho công tác quản lý, thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt; kinh phí mua sắm trang thiết bị bảo đảm công tác thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt của các đơn vị sự nghiệp do nhà nước quản lý; kinh phí cho các hoạt động quản lý chất thải rắn sinh hoạt.

Điều 15. Trách nhiệm của Sở Khoa học và Công nghệ

1. Định hướng các chương trình nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao khoa học, công nghệ về quản lý, hoàn thiện dây chuyền công nghệ, thiết bị thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia nghiên cứu các công nghệ xử lý chất thải rắn phù hợp với điều kiện của địa phương.

2. Phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan thẩm định công nghệ các dự án đầu tư xây dựng cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định của Luật Chuyển giao công nghệ và các quy định khác của pháp luật.

Điều 16. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành khác có liên quan

Căn cứ vào chức năng nhiệm vụ được giao, các sở, ban, ngành liên quan có trách nhiệm phối hợp, hướng dẫn UBND cấp huyện, các đơn vị trực thuộc thực hiện quản lý chất thải rắn sinh hoạt theo đúng các nội dung tại quy định này.

Điều 17. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

1. Tổ chức quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn; hỗ trợ đầu tư trang thiết bị cho cấp xã để thực hiện thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt; tổ chức tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức của cộng đồng về bảo vệ môi trường trên địa bàn.

2. Lập kế hoạch, xây dựng dự toán hàng năm cho công tác thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn (trong dự toán dịch vụ công ích đô thị) và gửi về Sở Xây dựng để tổ chức thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt theo quy định tại Quyết định số 07/2018/QĐ-UBND ngày 30 tháng 3 năm 2018

của UBND tỉnh về quản lý dịch vụ công ích đô thị.

3. Tổ chức lựa chọn, ký hợp đồng dịch vụ với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn theo quy định.

4. Kiểm tra, giám sát, nghiệm thu thành phần, khối lượng và hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn theo hợp đồng đã ký.

5. Quy hoạch chi tiết và công bố các điểm tập kết, trạm trung chuyển, mạng lưới thu gom chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn.

6. Chỉ đạo UBND cấp xã thực hiện nghiêm các quy định về quản lý chất thải rắn sinh hoạt được trong Quy định này và các quy định khác có liên quan.

7. Chủ tịch UBND cấp huyện chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh nếu để địa phương mình xảy ra tình trạng vứt rác thải, đổ rác thải không đúng nơi quy định, gây ô nhiễm môi trường.

Điều 18. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Tổ chức, tuyên truyền, vận động nhân dân thu gom và tập kết chất thải sinh hoạt đúng nơi quy định.

2. Ký hợp đồng với các đơn vị có chức năng để thu gom và vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt từ các hộ gia đình đến điểm tập kết, trạm trung chuyển, khu xử lý chất thải rắn theo phân công của UBND huyện, thành phố.

3. Phối hợp với các tổ chức đoàn thể, cộng đồng dân cư giám sát quá trình thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt từ các hộ gia đình đến điểm tập kết hoặc trạm trung chuyển.

4. Tổ chức kiểm tra, xử lý các trường hợp vi phạm về quản lý chất thải rắn sinh hoạt theo thẩm quyền.

5. Triển khai giữ gìn vệ sinh, xây dựng kế hoạch tổng vệ sinh môi trường định kỳ; chịu trách nhiệm kiểm tra, đôn đốc, nhắc nhở các tổ chức, cơ sở kinh doanh, dịch vụ, các hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn chấp hành quy định này và các quy định khác có liên quan;

6. Báo cáo UBND cấp huyện về hoạt động quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn trước ngày 15 tháng 01 hàng năm.

7. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND cấp huyện nếu để địa phương mình xảy ra tình trạng xả chất thải rắn sinh hoạt không đúng nơi quy định, gây ô nhiễm môi trường.

Điều 19. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội khác trong quản lý chất thải rắn sinh hoạt

1. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Sơn La thực hiện tư vấn, phản biện xã hội, giám sát đối với chủ trương, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án liên quan đến thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh.

2. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Sơn La và các tổ chức chính trị - xã hội khác phối hợp với chính quyền địa phương các cấp tuyên truyền nâng cao nhận thức về hoạt động quản lý chất thải rắn sinh hoạt, vận động nhân dân làm tốt công tác phân loại tại nguồn, đổ rác đúng thời gian, đúng nơi quy định; phối hợp với UBND các xã, phường, thị trấn kiểm tra giám sát việc thực hiện kế hoạch tổng vệ sinh môi trường định kỳ, các hoạt động quản lý chất thải rắn sinh hoạt, đảm bảo vệ sinh môi trường trên địa bàn. Trường hợp phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật về quản lý chất thải rắn sinh hoạt, cần thông báo cơ quan có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 20. Điều khoản chuyển tiếp

1. UBND cấp huyện tổ chức sắp xếp hoàn thiện hệ thống quản lý chất rắn sinh hoạt trên địa bàn theo quy định này trong thời gian 12 tháng kể từ ngày Quy định này có hiệu lực.

2. Các tổ chức thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt có trách nhiệm chuyên đổi, cải tạo, bổ sung phương tiện thu gom, vận chuyển thu gom, vận chuyển đảm bảo đáp ứng yêu cầu kỹ thuật đối với phương tiện thu gom, vận chuyển; điểm tập kết, trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt theo quy định tại Điều 7 quy định này trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày Quy định này có hiệu lực.

3. Đối với các địa phương chưa có nhà máy, cơ sở xử lý rác thải tập trung tạm thời rác thải sinh hoạt tiếp tục được xử lý tại các bãi rác đã được quy hoạch, đang hoạt động.

4. Các nội dung khác không quy định tại Quy định này thực hiện theo Nghị định số 59/2007/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về quản lý chất thải rắn, Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu và các văn bản pháp luật hiện hành khác có liên quan.

Điều 21. Trách nhiệm thi hành

1. Giao Sở Xây dựng phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn các Sở, Ban, Ngành, UBND các huyện, thành phố tổ chức thực hiện các nội dung tại Quy định này.

2. Các sở, ban, ngành, UBND các cấp tổ triển khai thực hiện quy định này. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị phản ánh kịp thời về Sở Xây dựng để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC



Tráng Thị Xuân